

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2019
V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn C .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Liên và bà Vũ Thị Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị May – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều L** - sinh năm 1997.

HKTT: Thôn 10, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Đăng ký tạm trú: Thôn T, phường M, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

(Có mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức C** , sinh năm 1989.

HKTT: Thôn 10, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Đăng ký tạm trú: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Đặng Đình Đ, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kiều L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức C tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y,

huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 12/5/2017.

Vợ chồng tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong cách nuôi dạy, giáo dục con cái và thường xảy ra đánh cãi chửi nhau to tiếng làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Anh C luôn đề cao cái tôi cá nhân, chị cũng không chịu nhún nhường khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng, áp lực. Chị và anh C đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay, anh C ở xã V, huyện B, Hải Dương sinh sống, còn chị và các con thuê nhà trọ và đăng ký tạm trú làm ăn sinh sống tại thôn T, phường M, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Anh chị đã có bản tự khai thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên sau đó giữa anh chị tiếp tục xảy ra cãi nhau và anh C đi làm ở đâu chị không biết, anh C cũng không đến Tòa án để tiếp tục giải quyết dứt điểm vụ án. Chị đã liên lạc với anh qua điện thoại nhưng không được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể hàn gắn, níu kéo và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung Nguyễn Bích Ng, sinh ngày 10/02/2014 (anh chị có con chung trước khi kết hôn) và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/7/2017 hiện đang ở cùng chị. Nguyên vọng của chị xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Đức C trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình tổ chức cuộc sống chung như chị L trình bày là đúng. Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong cách dạy dỗ giáo dục con cái, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau to tiếng, xúc phạm đến danh dự và lòng tự trọng của nhau, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Không khí gia đình luôn căng thẳng, áp lực, không có sự bình yên, hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay không còn chung sống cùng nhau. Trong thời gian ly thân anh chỉ đến để thăm nom, chăm sóc con chứ giữa anh chị không tìm biện pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị L xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Do đặc thù công việc của anh làm nghề lái xe, thường xuyên vắng nhà, thậm chí nhiều ngày mới về nhà nên không có điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Anh nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Nguyễn Bích Ng và Nguyễn Minh Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Đặng Đình Đ khai: Ông cho anh chị L thuê nhà trọ từ năm 2013, anh chị chung sống đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi nhau to tiếng, thậm chí đánh nhau làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng và hạnh phúc gia đình. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2018, anh C vẫn thuê nhà trọ của ông còn chị L cho hai con sang thị xã M, tỉnh Hưng Yên thuê nhà sinh sống.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Từ năm 2014, anh C, chị L có đăng ký tạm trú tại địa phương. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng anh C, chị L nảy sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nên từ tháng 2/2019, chỉ có anh C đăng ký và có tên trong sổ tạm trú tại thôn V, xã V, huyện B tỉnh Hải Dương, chị L không còn đăng ký tạm trú tại địa phương nữa.

Tại phiên tòa, chị L nhất trí, xác nhận lời khai của anh C, ông Đ và kết quả xác minh tại địa phương phản ánh đúng mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kiều L. Xử cho chị L ly hôn anh Nguyễn Đức C.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Bích Ng, sinh ngày 10/02/2014 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/7/2017 (hiện đang ở cùng chị L) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định và được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Đức C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo qui định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Đức C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 12/5/2017, đây là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của chị L tại phiên tòa trình bày về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp lời khai của anh Nguyễn Đức C và kết quả xác minh của Tòa án nên có căn cứ xác định giữa chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Đức C đã xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong cách nuôi dạy, giáo dục con, hai bên sống ly thân từ giữa năm 2018. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đức C là phù hợp với qui định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị L, anh C xác định có hai con chung là Nguyễn Bích Ng, sinh ngày 10/02/2014 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/7/2017. Chị L đề nghị được nuôi cả 2 con, anh C nhất trí, vì lý do công việc của anh không thuận lợi để trực tiếp nuôi dưỡng con cái. Do vậy, cần giao hai con cho chị L nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Nguyễn Đức C không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kiều L là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều L, xử cho chị Nguyễn Thị Kiều L ly hôn anh Nguyễn Đức C.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Bích Ng, sinh ngày 10/02/2014 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/7/2017 (hiện đang ở cùng chị L) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kiều L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005364 ngày 13/6/2019. Chị Nguyễn Thị Kiều L đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Kiều L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cường